TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2017
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hoa.

2. Bà Đỗ Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L; Địa chỉ cư trú: Làng G, xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân Đ; Địa chỉ cư trú: Làng G, xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2017 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân, tôi và anh Lê Xuân Đ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai. Trước khi kết hôn chúng tôi có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình chúng tôi đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì chúng tôi nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có sự bất đồng về quan điểm sống, thường nảy sinh mâu thuẫn, tranh cãi. Mặc dù tôi đã cố gắng dung hòa mong vợ chồng tìm được tiếng

nói chung, tránh khỏi hôn nhân đỗ vỡ nhưng mọi cố gắng của tôi đều không có kết quả. Mâu thuẫn của vợ chồng tôi ngày càng trở nên trầm trọng. Nay tôi nhận thấy việc duy trì quan hệ hôn nhân của chúng tôi đã không còn ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống với nhau không còn tình cảm. Trên thực tế chúng tôi cũng đã sống ly thân với nhau được một thời gian dài, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung, trong thời kỳ hôn nhân tôi và anh Đ không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Xuân Đ không đến Tòa án để làm việc và cũng không có lời khai cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị L giữ nguyên các lời khai và yêu cầu của mình trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án. Anh Lê Xuân Đ vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai đã xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; việc cấp, tống đạt, chuyển giao các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp đúng thời hạn; thời hạn giao hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi mở phiên tòa chậm hơn so với quy định; tuy nhiên thiếu sót trên không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, do đó đề nghị Thẩm phán, Thư ký Tòa án được phân công giải quyết, xét xử vụ án rút kinh nghiệm.

Về nội dung của vụ án: Trên cơ sở xem xét toàn diện yêu cầu của đương sự, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Lê Xuân Đ. Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung đề nghị miễn xét. Về án phí, chị L là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29/3/2017 chị Phạm Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Lê Xuân Đ và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp

pháp. Xét hình thức nội dung đơn khơi kiện của chị L đúng quy định, anh Đ có nơi cư trú tại làng làng G, xã K, huyện S nên Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh Lê Xuân Đ đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Xuân Đ đều không đến Tòa án để làm việc và không cung cấp lời khai cho Tòa án. Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L, anh Lê Xuân Đ và yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L thấy rằng:

Chị Phạm Thị L và anh Lê Xuân Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 22/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị L thì trong quá trình chung sống, giữa chị và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị có sự bất đồng về quan điểm sống, thường nảy sinh tranh cãi. Do anh Đ không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh Đ đối với yêu cầu khởi kiện của chị L và cũng không thể làm rõ những mâu thuẫn hôn nhân của anh chị như lời chị L đã trình bày. Việc anh Đ vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có ý thức hàn gắn những mâu thuẫn hôn nhân giữa anh và chị L.

Kết quả xác minh về những mâu thuẫn hôn nhân giữa chị L và anh Đ tại nơi cư trú thể hiện mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị là có thật. Cụ thể tại Biên bản xác minh ngày 16/5/2017, ông Phan Văn B là Thôn trưởng thôn G, xã K, huyện S cho biết nguyên nhân chị L, anh Đ nảy sinh mâu thuẫn là do anh Đ vướng vào cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng anh chị sống với nhau đã lâu nhưng không có con chung (Bút lục số 41). Tại Biên bản xác minh ngày 15/7/2017, bà Phan Thị Thu Th là Công chức Tư pháp – Hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã K, huyện S cũng cho biết chị L và anh Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 22/8/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyên S, tỉnh Gia Lai; mâu thuẫn hôn nhân giữa chị L và anh Đ là có thật, chị L đã nhiều lần báo cáo về việc anh Đ đánh mình, tuy nhiên chị L không nhờ chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết (Bút lục số 58).

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, động viên chị L rút đơn khởi kiện xin ly hôn để quay về đoàn tụ với anh Đ nhưng chị L kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn mặc dù vắng mặt anh Đ với lý do vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn từ lâu, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, bản thân chị không còn tình cảm với anh Đ.

Xét mâu thuẫn hôn nhân giữa chị L và anh Đ là có thật, mặc dù anh chị là vợ chồng nhưng đã ly thân, không sống chung với nhau một thời gian dài, anh Đ có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến mâu thuẫn giữa anh và chị L ngày càng trầm trọng, chị L không còn tình cảm yêu thương anh Đ nên kiên quyết xin ly hôn. Mặt khác, anh Đ không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không tham gia các phiên tòa xem như từ bỏ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; Tòa án và Hội đồng xét xử không có điều kiện để hòa giải, động viên anh chị quay về đoàn tụ. Do đó căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Đ.

[3] Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh Đ không có con chung, tài sản chung, nợ chung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L không yêu cầu xem xét, giải quyết các vấn đề này nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị L là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lê Xuân Đ.

2. Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001354 ngày 03

tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Gia Lai. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ đóng án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/8/2017), các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Võ Tiến Sỹ

Nơi nhận:
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT-LT.